

Bản án số: 33/2024/DS-ST
Ngày 09/4/2024
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bảo Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thúy Kiều

Ông Nguyễn Thanh Rực

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Trân-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Dương Hồng Thủy-Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 60/2023/TLST-DS ngày 02/10/2023 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2024/QĐXXST-DS ngày 20/3/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số 190 ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lưu Trí D, sinh năm 1959; Địa chỉ: Số 351 đường N, Khóm 3, Phường 2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Ngô Văn H, sinh năm 1967; Địa chỉ: Số 223 ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Hồ Văn H, sinh năm 1964; Địa chỉ: Số 194 ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lưu Trí D trình bày:

Nguyên trước năm 1975, cha mẹ của ông X là ông Nguyễn Văn H (chết năm 2013) và bà Phạm Thị C (chết năm 2021) có tạo lập được phần đất ruộng diện tích là 5220,7m². Năm 1994, ông H và bà C được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số B681235 đối với thửa đất số 385, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng, ông H và bà C canh tác liên tục trên phần đất. Vào năm 2010 thì ông Hồ Văn N là cháu ruột của ông H và bà C đến chiếm phần đất trên canh tác. Sau 01 năm thì ông N chết nên em ruột của ông N là ông H mượn phần đất canh tác. Khoảng 01 năm khi gia đình ông X xuống phần đất thì phát hiện ông Ngô Văn H canh tác do đã cầm cố của ông H, gia đình thấy chỗ quan hệ thân tộc nên để cho ông H và ông H thực hiện xong nghĩa vụ cầm cố đất này thì mới lấy lại phần đất.

Vào ngày 26/02/2021, ông X được Sở Tài nguyên-Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 836301 đối với thửa đất số 1674, tờ bản đồ số 3, tại ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng có nguồn gốc tách ra từ thửa 385 nêu trên. Tuy nhiên cho đến nay ông H và ông H vẫn không giao trả phần đất nêu trên cho ông X.

Nay ông X yêu cầu giải quyết buộc ông H phải giao trả lại phần đất đo đạc thực tế diện tích là 5168.4m², thuộc thửa đất số 1674, tờ bản đồ số 3, tại ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Ngoài ra, ông X cũng không có ý kiến hay khiếu nại gì đối với kết quả đo đạc, thẩm định và định giá tài sản.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn là ông Ngô Văn H trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông Hồ Văn C là cha ruột của ông H, sau đó ông C cho ông Nguyễn Văn H là cha ruột ông Nguyễn Văn X 08 công tầm lớn để canh tác. Đến năm 2000, thì ông H mới trả lại một phần diện tích đất tranh chấp là 04 công tầm lớn, từ đó ông Hồ Văn H mới canh tác trồng lúa đến năm 2005 thì chuyển nhượng lại cho ông H với giá 46 chỉ vàng 24k. Việc mua bán chuyển nhượng phần đất có làm giấy, sau khi nhận chuyển nhượng thì ông H canh tác trồng lúa cho đến khoảng tháng 4/2023 thì phát sinh tranh chấp với ông X. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của ông X thì ông H không đồng ý. Ngoài ra, ông H cũng không có ý kiến hay khiếu nại gì đối với kết quả đo đạc, thẩm định và định giá tài sản.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hồ Văn H trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông Hồ Văn C là cha ruột của ông H, khoảng sau năm 1975, cha ông H cho ông Nguyễn Văn H là cha ruột ông Nguyễn Văn X 08 công rưỡi tầm lớn để canh tác. Đến năm 2000, thì ông H mới trả lại một phần diện tích đất tranh chấp là 04 công tầm lớn, ông H mới xin cha ông H 01 nền nhà và 03 liếp vườn, từ đó phần đất do ông H canh tác trồng lúa đến năm 2005 thì chuyển nhượng lại cho ông H với giá 46 chỉ vàng 24k và giao đất cho ông H canh tác đến cuối năm 2022. Việc mua bán chuyển nhượng phần đất có làm giấy tay cho ông H. Đến khoảng tháng 8 đến tháng 9/2023 thì ông H

phát sinh tranh chấp với ông X. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của ông X thì ông H không đồng ý. Ngoài ra, ông H cũng không có ý kiến hay khiếu nại gì đối với kết quả đo đạc, thẩm định và định giá tài sản.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án thì Thẩm phán xác định về thẩm quyền, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định của pháp luật và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát cũng đảm bảo. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Ông Nguyễn Văn X khởi kiện yêu cầu ông Ngô Văn H trả lại quyền sử dụng đất diện tích là 5168.4m², thuộc thửa đất số 1674, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp quyền sử dụng đất” và Tòa án nhân dân huyện Long Phú đã thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 9 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm c Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu ông Ngô Văn H giao trả lại quyền sử dụng đất diện tích là 5168.4m², thuộc thửa đất số 1674, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện nên căn cứ Khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, các đương sự thống nhất không có ý kiến phản đối hay khiếu nại gì đối với việc đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ đối với quyền sử dụng đất đang tranh chấp diện tích là 5168.4m², thuộc thửa đất số 1674, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng, có vị trí, số đo tứ cận cụ thể như sau:

Hướng Đông giáp thửa số 1675 có số đo là 106.00m + 5.00m

Hướng Tây giáp thửa đất số 383 và thửa đất số 647 có số đo là 40.30m + 26.50m + 47.40m + 5.00m.

Hướng Nam giáp Bờ kênh 3.0m+ Kênh Thủy lợi có số đo là 44.40m.

Hướng Bắc giáp thửa đất số 386 có số đo là 44.90m.

Các đương sự cũng không có ý kiến phản đối hay khiếu nại gì đối với kết quả định giá tài sản tranh chấp và việc định giá tài sản là hoàn toàn đúng trình tự,

thủ tục theo quy định pháp luật nên có đủ cơ sở xác định giá trị quyền sử dụng đất (loại đất lúa) diện tích là 5168.4m², thuộc thửa đất số 1674, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng có giá trị là 73.000 đồng/m² x 5168.4m² = 377.293.200 đồng.

Ngoài ra, thửa đất số 1674, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp diện tích là 5220.7m² nhưng qua đo đạc thực tế thì diện tích là 5168.4m², giảm 52.3m², nguyên nhân do có sự thay đổi ranh giới thửa đất tại hướng Nam theo sơ đồ đo đạc là do Nhà nước nạo vét, mở rộng kênh thủy lợi và sai sót trong quá trình đo đạc, tính diện tích trước đây được thể hiện tại Công văn số 429/STNMT-VPĐK ngày 22/02/2024 của Sở Tài nguyên-Môi trường tỉnh Sóc Trăng. Do đó, có cơ sở xác định diện tích đất đang tranh chấp thực tế là 5168.4m².

Từ cơ sở trên, Hội đồng xét xử công nhận các tài liệu nêu trên có giá trị dùng làm chứng cứ để giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 93; Điều 94 và Điều 95 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến phản bác của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử nhận thấy,

[4.1]. Phần đất đang tranh chấp diện tích là 5168.4m², thuộc thửa đất số 1674, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng có nguồn gốc là do ông Nguyễn Văn X được nhận từ một phần diện tích đất do bà Phạm Thị C tặng cho và một phần diện tích đất do nhận thừa kế từ ông Nguyễn Văn H là cha mẹ ruột của ông X, phần đất tranh chấp được tách từ một phần diện tích đất nằm trong thửa đất số 385, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B681235 do Ủy ban nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 13/5/1994 cho ông Nguyễn Văn H (thể hiện tại Công văn số 429/STNMT-VPĐK ngày 22/02/2024 của Sở Tài nguyên-Môi trường tỉnh Sóc Trăng).

Theo hồ sơ địa chính về xác nhận tính pháp lý quyền sử dụng đất của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 836301 do Sở Tài nguyên-Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 26/02/2021 thể hiện: vào ngày 27/11/2020, ông Nguyễn Văn X có đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất dựa trên cơ sở Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 17/11/2020, giữa bên tặng cho là bà Phạm Thị C với bên nhận tặng cho là ông X và được nhận quyền sử dụng đất từ Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế giữa bà C với các anh chị của ông X ngày 17/11/2020, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế đều được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L. Khi tiến hành xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho ông X thì cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có tiến hành đo đạc thực tế, lập bản mô tả việc cắm mốc xác định ranh giới, mốc giới quyền sử dụng đất, cũng như có sự ký tên của các hộ sử dụng đất liền kề, hơn nữa ông X đã nộp xong các loại thuế, phí theo quy định. Tại phiên tòa, ông H cũng thừa nhận khi

tiến hành đo đạc có sự tham gia của ông H, nhưng ông H không thể hiện việc có ý kiến phản đối hay yêu cầu gì.

Mặt khác, tại phiên tòa, ông H thừa nhận phần đất tranh chấp vào thời điểm ông H quản lý, sử dụng đã được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B681235 ngày 13/5/1994 cho ông Nguyễn Văn H là cha ruột của ông X, khi cấp giấy chứng nhận cho ông H thì gia đình của ông H đều biết nhưng cũng không có ý kiến phản đối hay yêu cầu gì. Ngoài ra, ông H còn thừa nhận khi nhận chuyển nhượng phần đất tranh chấp nêu trên ông H cũng không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, việc chuyển nhượng chỉ làm giấy tờ tay mà không có công chứng, chứng thực. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định phần đất đang tranh chấp có nguồn gốc là của ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị C (cha ruột ông X) được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Khoản 1 Điều 2, Khoản 1 Điều 73 của Luật Đất đai năm 1993.

[4.2]. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông H và ông H trình bày nguồn gốc phần đất đang tranh chấp của ông Hồ Văn C là cha ruột của ông H, sau đó ông C cho ông Nguyễn Văn H 08 công tằm lớn để canh tác. Đến năm 2000, thì ông H mới trả lại một phần diện tích đất tranh chấp là 04 công tằm lớn, ông H mới xin ông C 01 nền nhà và 03 liếp vườn. Sau đó, ông Hồ Văn N là anh ruột ông Hồ Văn H đến canh tác trên phần đất tranh chấp được 01 năm thì ông N chết nên giao lại cho ông Hồ Văn H canh tác, đến năm 2005 thì ông H chuyển nhượng lại ông H, việc chuyển nhượng phần đất có làm giấy tờ tay. Sau khi nhận chuyển nhượng thì ông H canh tác trồng lúa cho đến khi phát sinh tranh chấp với ông X.

Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ban hành nhiều thông báo cho ông H và ông H biết, để tạo điều kiện cho ông H và ông H cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của ông X là có căn cứ, nhưng ông H và ông H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 6 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định về cung cấp chứng cứ và chứng minh trong tố tụng dân sự: *“Đương sự có quyền và nghĩa vụ chủ động thu thập, giao nộp chứng cứ cho Tòa án và chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp.”*

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.”*

Với các quy định nêu trên cho thấy, ông H và ông H có nghĩa vụ phải cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của ông X là có cơ sở, nhưng ngoài lời trình bày thì ông H và ông H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh nên ý kiến phản bác của ông H và ông H là không đủ căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.3]. Mặc dù ông H với ông H đã có quá trình quản lý, sử dụng phần đất tranh chấp nhưng không được Cơ quan Quản lý Nhà nước về đất đai công nhận quyền sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không có các loại giấy tờ theo quy định tại Điều 100, Điều 101 của Luật Đất đai năm 2013, nên việc ông H và ông H quản lý, sử dụng phần đất tranh chấp là không ngay tình, không hợp pháp và không được pháp luật thừa nhận.

[4.4]. Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 836301 do Sở Tài nguyên-Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 26/02/2021 cho ông Nguyễn Văn X hiện nay cũng chưa bị Cơ quan Quản lý Nhà nước về đất đai có thẩm quyền nào thu hồi hay hủy bỏ theo quy định pháp luật. Về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận nêu trên cũng đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 79 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. Do đó, có đủ cơ sở xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho ông Nguyễn Văn X là hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 166 của Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ vào Điều 158, Khoản 2 Điều 164 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Quyền sở hữu bao gồm quyền chiếm hữu, quyền sử dụng và quyền định đoạt tài sản của chủ sở hữu theo quy định của luật”* và *“Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền yêu cầu Tòa án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác buộc người có hành vi xâm phạm quyền phải trả lại tài sản, chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật việc thực hiện quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại.”*

Căn cứ vào Khoản 5, Khoản 7 Điều 166 của Luật Đất đai năm 2013 quy định về quyền chung của người sử dụng đất: *“Được Nhà nước bảo hộ khi người khác xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp về đất đai của mình”* và *“KH nại, tố cáo, khởi kiện về những hành vi vi phạm quyền sử dụng đất hợp pháp của mình và những hành vi khác vi phạm pháp luật về đất đai”*

Từ cơ sở nêu trên, để thực hiện các quyền của người sử dụng đất nên ông X yêu cầu ông H giao trả lại quyền sử dụng đất đang tranh chấp là hoàn toàn có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Đối với giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông H với ông H thì ông H và ông H trình bày sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Do đó, khi nào phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một quan hệ pháp luật tranh chấp khác trong vụ án dân sự khác khi có yêu cầu theo quy định pháp luật.

[6]. Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí tố tụng theo quy định pháp luật.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi án phí theo quy định pháp luật là 300.000 đồng.

[8]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 9 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm c Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Điều 157; Điều 158; Điều 165; Điều 166; Khoản 1 Điều 244; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ các Điều 158; Điều 163; Điều 164; Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 166; Điều 167; Điều 168; Điều 169; Điều 188; Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ Khoản 2 Điều 26, điểm a Khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn X đối với bị đơn là ông Ngô Văn H về tranh chấp quyền sử dụng đất.

2. Buộc ông Ngô Văn H giao trả toàn bộ quyền sử dụng đất có diện tích là 5168.4m², thuộc thửa đất số 1674, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 836301 do Sở Tài nguyên-Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 26/02/2021 cho ông Nguyễn Văn X, có vị trí và số đo tứ cận cụ thể như sau:

Hướng Đông giáp thửa số 1675 có số đo là 106.00m + 5.00m

Hướng Tây giáp thửa đất số 383 và thửa đất số 647 có số đo là 40.30m + 26.50m + 47.40m + 5.00m.

Hướng Nam giáp Bờ kênh 3.0m+ Kênh Thủy lợi có số đo là 44.40m.

Hướng Bắc giáp thửa đất số 386 có số đo là 44.90m.

(Đính kèm sơ đồ đo đạc thửa đất)

3. Về chi phí tố tụng: Ông Ngô Văn H phải chịu là 26.836.000 đồng và có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn X.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Ngô Văn H phải chịu án phí là 300.000 đồng.

Hoàn trả ông Nguyễn Văn X số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010187 ngày 28/9/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (được sửa đổi bổ sung năm 2014), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (được sửa đổi bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (được sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Bảo Quốc

**THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Bảo Quốc

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Bảo Quốc

**THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Bảo Quốc

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Bảo Quốc

**THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Bảo Quốc

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trần Bảo Quốc

**THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Bảo Quốc

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Bảo Quốc

**THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Bảo Quốc

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Bảo Quốc

**THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Bảo Quốc

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Bảo Quốc

**THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Bảo Quốc

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Bảo Quốc

**THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Bảo Quốc

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Bảo Quốc

